

Số: 196/BC-UBND

Định Hóa, ngày 15 tháng 9 năm 2025

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính Quý III, phương hướng nhiệm vụ Quý IV năm 2025

Thực hiện Công văn số 95/SNV-XDCQ&CCHC ngày 06/7/2025 của Sở Nội vụ tỉnh Thái Nguyên về việc thực hiện các nhiệm vụ CCHC sau khi sáp nhập tỉnh, sắp xếp ĐVHC cấp xã. UBND xã Định Hóa báo cáo tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính (CCHC) Quý III, phương hướng nhiệm vụ quý IV năm 2025, cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

- Các hoạt động chỉ đạo, điều hành: Thực hiện các văn bản hướng dẫn của UBND tỉnh và Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân xã Định Hóa đã xây dựng Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 18/7/2025 về công tác cải cách hành chính xã Định Hóa năm 2025 và ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện công tác cải cách hành chính cho các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã (*có phụ lục chi tiết kèm theo*).

- Tiến độ thực hiện Kế hoạch CCHC năm 2025: Tại Kế hoạch CCHC năm 2025 xã Định Hóa đề ra 12 nhiệm vụ trọng tâm của công tác cải cách hành chính. Đến nay, có 03 nhiệm vụ đã hoàn thành theo kế hoạch.

- Thực hiện kiểm tra công tác CCHC hàng năm: UBND xã đã xây dựng Kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 15/9/2025 về kiểm tra công tác cải cách hành chính Nhà nước, thực hiện công vụ trên địa bàn xã Định Hóa năm 2025 và dự kiến sẽ thực hiện việc kiểm tra công tác cải cách hành chính trong quý IV năm 2025 nhằm kịp thời phát hiện những tồn tại, khó khăn hoặc vi phạm trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ CCHC tại các cơ quan, đơn vị để có hướng khắc phục, tháo gỡ, ghi nhận những đề xuất, kiến nghị của các đơn vị để chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện.

- Công tác tuyên truyền CCHC: UBND xã đã ban hành kế hoạch tuyên truyền về công tác cải cách hành chính năm 2025, công tác tuyên truyền chủ yếu được lồng ghép với các cuộc họp, các cuộc tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật để cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân nắm bắt và thực hiện. Tổ chức tuyên truyền các văn bản, TTHC trên trang thông tin điện tử của xã, đồng thời niêm yết bộ thủ tục hành chính tại Trung tâm phục vụ hành chính công xã. Ngoài ra, UBND xã còn thực hiện tuyên truyền qua hệ thống loa truyền thanh, qua tổ công nghệ số cộng đồng tại các xóm trên địa bàn xã, thông qua hoạt động tuyên truyền của UB MTTQ xã.

- Tổng hợp, cập nhật tiến độ, kết quả thực hiện các nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao: UBND xã Định Hóa đã thường xuyên theo dõi, tổng

hợp và cập nhật tiến độ thực hiện các nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao. Nhìn chung, các nhiệm vụ được triển khai cơ bản bảo đảm yêu cầu, tiến độ; kết quả thực hiện được báo cáo đầy đủ, kịp thời theo quy định.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

- Kết quả thực hiện quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật: Trong Quý III năm 2025, UBND xã chưa ban hành văn bản quy phạm pháp luật nào.

- Kết quả tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, thi hành pháp luật: UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 32/KH-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2025 về công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật và thực hiện công tác pháp chế, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2025 trên địa bàn xã Định Hóa.

- Kết quả thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật:

+ UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 04/8/2025 về việc triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn xã Định Hóa năm 2025.

+ Các phòng chuyên môn, đơn vị đã tập trung tuyên truyền, quán triệt đầy đủ, thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo của Trung ương, tỉnh. Công tác tuyên truyền qua hệ thống loa truyền thanh và trang thông tin điện tử của xã được thực hiện thường xuyên, liên tục hằng tuần với các nội dung tuyên truyền về an toàn giao thông, phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả; khiếu nại, tố cáo; an toàn vệ sinh thực phẩm; chính sách, pháp luật về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng các dự án trên địa bàn tỉnh; các nội dung chỉ đạo trong công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng các dự án ở các cấp, các ngành

2. Cải cách thủ tục hành chính

2.1. Kết quả rà soát, kiến nghị cắt giảm, đơn giản hóa TTHC

Trong Quý III năm 2025, UBND xã không thực hiện rà soát, kiến nghị cắt giảm, đơn giản hóa TTHC.

2.2. Tổng hợp, cập nhật số lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương

- Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã là 375 TTHC.

- Tổng số TTHC được niêm yết công khai 375 TTHC.

+ Số lượng TTHC đưa ra thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông: 375 TTHC.

+ Số lượng TTHC thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích: 375 TTHC.

+ Số lượng hồ sơ TTHC đã thực hiện là 2585.

2.3. Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC

- Tình hình tổ chức và hoạt động của Bộ phận Một cửa: Trong Quý III năm 2025, Trung tâm phục vụ hành chính công được thành lập nhằm thực hiện cơ chế “một cửa, một cửa liên thông”, tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong nộp hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trung tâm được trang bị cơ bản đầy đủ cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin, hệ thống phần mềm, chữ ký số; bố trí đủ cán bộ, công chức đã được tập huấn về hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, có trách nhiệm tiếp nhận, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ và thực hiện trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính đúng quy định. Qua đó, góp phần nâng cao chất lượng cải cách hành chính, phục vụ Nhân dân minh bạch, nhanh chóng, thuận tiện.

- Kết quả thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC:

STT	Tên đơn vị	Tổng số hồ sơ của TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết (kỳ trước)	Tổng số hồ sơ TTHC chưa thực hiện quy trình số hóa (kỳ trước)	Tổng số hồ sơ TTHC thực hiện quy trình số hóa (kỳ trước)	Tỷ lệ hồ sơ TTHC thực hiện số hóa (kỳ trước)	Tổng số hồ sơ của TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết thời điểm báo cáo	Tổng số hồ sơ chưa thực hiện quy trình số hóa thời điểm báo cáo	Tổng số hồ sơ TTHC thực hiện quy trình số hóa thời điểm báo cáo	Tỷ lệ hồ sơ TTHC thực hiện số hóa thời điểm báo cáo
1	Xã Định Hóa	2585	129	2456	95 %	2585	129	2456	95 %

- Tổng hợp, cập nhật kết quả giải quyết hồ sơ TTHC tại địa phương:

+ Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong Quý III năm 2025: 2585 hồ sơ, trong đó:

+ Tiếp nhận trực tuyến: 2330 hồ sơ; trực tiếp: 255 hồ sơ; qua dịch vụ BCCI: 0 hồ sơ.

+ Số hồ sơ từ kỳ trước chuyển qua: 0 hồ sơ.

+ Số hồ sơ đã giải quyết: 2529 hồ sơ, trong đó: đúng hạn và trước hạn: 2529 hồ sơ, quá hạn: 0 hồ sơ.

+ Số hồ sơ đang giải quyết: 56 hồ sơ.

- Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC: Trong Quý III năm 2025, UBND xã không nhận được phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính thuộc thẩm quyền UBND xã và cũng không nhận được văn bản của Văn phòng UBND tỉnh chuyển phản ánh, kiến nghị của các tổ chức, cá nhân đến.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

- Thực hiện đúng các quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập tại địa phương:

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 16/6/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Ủy ban nhân dân xã Định Hóa đã thành lập các cơ quan chuyên môn và Trung tâm Phục vụ hành chính công thuộc Ủy ban nhân dân xã Định Hóa, gồm:

- + Văn phòng HĐND và UBND xã.
- + Phòng Kinh tế.
- + Phòng Văn hóa - Xã hội.
- + Trung tâm Phục vụ hành chính công.

Các cơ quan chuyên môn và Trung tâm Phục vụ Hành chính công thuộc UBND xã Định Hóa chính thức đi vào hoạt động kể từ ngày 01/7/2025.

- Kết quả rà soát, sắp xếp, tổ chức các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập:

Hiện nay số lượng các phòng chuyên môn: 03 phòng, 01 Trung tâm Phục vụ Hành chính công, 01 Trung tâm Dịch vụ tổng hợp và 14 đơn vị sự nghiệp giáo dục.

- Đánh giá về tình hình quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức: Thực hiện nghiêm túc quy định về giao biên chế công chức hành chính và giao số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp trên địa bàn xã.

- Việc thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước giữa các cấp chính quyền ở địa phương: Việc tuân thủ các quy định về phân cấp được UBND xã thực hiện nghiêm túc, đúng quy định, đảm bảo tính thống nhất trong quản lý. Thông qua quy định về phân cấp đã tạo sự chủ động trong tham mưu đề xuất thực hiện nhiệm vụ, giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền theo quy định, tăng cường trách nhiệm, tính chủ động, tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong công tác quản lý.

4. Cải cách chế độ công vụ

- Việc thực hiện các quy định về vị trí việc làm của công chức, viên chức: UBND xã Định Hóa đã triển khai thực hiện các quy định về vị trí việc làm đối với đội ngũ công chức, viên chức theo đúng hướng dẫn của UBND tỉnh. Việc bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức cơ bản bảo đảm phù hợp với trình độ, năng

lực và yêu cầu nhiệm vụ; từng bước đáp ứng yêu cầu công tác quản lý, điều hành tại địa phương.

- Kết quả thực hiện tuyển dụng công chức, viên chức (thi tuyển, xét tuyển): UBND xã Định Hóa chưa tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức.

- Kết quả thực hiện bố trí, bổ nhiệm công chức, viên chức: Việc bố trí cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị được UBND xã họp bàn và phân công theo đúng quy định, cơ bản phù hợp trình độ chuyên môn, vị trí việc làm. UBND xã đã thực hiện quy trình bổ nhiệm 01 công chức giữ chức vụ Phó Chánh văn phòng HĐND và UBND xã, 01 công chức giữ chức vụ Phó Trưởng phòng Kinh tế, 01 công chức giữ chức vụ Phó Trưởng phòng Văn hóa – Xã hội, 01 viên chức giữ chức vụ Quyền Giám đốc Trung tâm dịch vụ tổng hợp, việc thực hiện bổ nhiệm cán bộ quản lý được thực hiện theo đúng quy định trong văn bản hướng dẫn của cấp có thẩm quyền và quy định của Đảng bộ xã Định Hóa.

- Tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức: cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã luôn chấp hành nghiêm túc kỷ luật, kỷ cương hành chính, cư xử thân thiện, đúng mực với Nhân dân khi giải quyết công việc; thực hiện nghiêm túc quy chế văn hóa công vụ UBND xã ban hành.

- Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức: 100% cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, đơn vị được tham gia tập huấn chuyên môn nghiệp vụ theo lĩnh vực phụ trách do UBND tỉnh, UBND xã tổ chức trong tháng 7 và tháng 8. UBND xã đã triển khai cho các cơ quan, đơn vị đăng ký tham gia tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng các nội dung chuyên môn sâu nhằm đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ.

5. Cải cách tài chính công

- Kết quả thực hiện các quy định về quản lý tài chính - ngân sách tại địa phương:

- Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn ước thực hiện đến hết Quý III/2025 là: 50.551/41.305 triệu đồng, đạt 122,4%KH, trong đó thu NSNN trên địa bàn (không bao gồm thu tiền sử dụng đất) là 28.896 triệu đồng, đạt 102,3%KH, thu tiền sử dụng đất thực hiện 21.655, đạt 165,8% KH giao

+ Kết quả thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công đến hết Quý III năm 2025:

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 được giao: 13.015 triệu đồng. Đã thực hiện thanh toán: 11.129 triệu đồng, đạt 85,5% KH

- Kết quả thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công: Tài sản công được quản lý chặt chẽ, sử dụng đúng mục đích theo quy định Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 năm 2017, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ, Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung quản lý tài sản công.

UBND xã đã tổ chức rà soát, phân loại tài sản công là nhà, đất để xác định cơ sở nhà đất thuộc phạm vi sắp xếp theo quy định tại khoản 1, Điều 1, Nghị định số 03/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 của Chính phủ và các cơ sở nhà, đất không thuộc phạm vi sắp xếp theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 03/2025/NĐ-CP. Thực hiện quản lý tài sản công của các địa xã cũ trước sáp nhập bàn giao theo quy định của pháp luật; thực hiện kiểm kê tài sản định kỳ; báo cáo, cập nhật thông tin tài sản công lên hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia theo đúng hướng dẫn của cơ quan cấp trên.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

6.1. Kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch của UBND tỉnh về Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

Thực hiện Kế hoạch của UBND tỉnh triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị, UBND xã Định Hóa đã ban hành Quyết định số 111/QĐ-UBND ngày 31/7/2025 của UBND xã Định Hóa về việc thành lập Tổ công tác phát triển Đề án 06 xã Định Hóa và nhiều văn bản chỉ đạo, tổ chức thực hiện đồng bộ nhiều nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Đến nay, 100% cán bộ, công chức xã đã được cấp chữ ký số, sử dụng thư điện tử công vụ và Hệ thống quản lý văn bản VNPT iOffice trong xử lý, ban hành văn bản. Trang thông tin điện tử xã duy trì ổn định, công khai thông tin theo quy định; hạ tầng CNTT từng bước được đầu tư, bảo đảm kết nối phục vụ điều hành, hội nghị trực tuyến và giải quyết TTHC. Các cơ sở giáo dục, y tế trên địa bàn đã ứng dụng đồng bộ cơ sở dữ liệu chuyên ngành, triển khai hồ sơ điện tử, liên thông dữ liệu BHYT, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân. Xã cũng đạt nhiều kết quả trong thực hiện Đề án 06, đặc biệt về cấp CCCD, kích hoạt định danh điện tử và tích hợp dịch vụ số.

6.2. Kết quả xây dựng, phát triển các ứng dụng, dịch vụ nội bộ

Hệ thống quản lý văn bản và điều hành (VNPT-iOffice) triển khai tới 100% các phòng chuyên môn, đơn vị trên địa bàn xã. 100% các cơ quan, đơn vị xử lý văn bản và hồ sơ công việc trên môi trường mạng qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, đồng thời thực hiện ký số văn bản điện tử, gửi lên trực liên thông. Việc sử dụng Hệ thống quản lý văn bản và điều hành đã tạo thuận lợi cho cán bộ, công chức giải quyết công việc nhanh chóng, tiết kiệm thời gian, chi phí và đạt hiệu quả cao trong công việc. Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan, đơn vị dưới dạng điện tử là 100%/tổng số văn bản đi (trừ văn bản mật).

100% lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị sử dụng hiệu quả chứng thư chữ ký số và mail công vụ trong giải quyết công việc.

Tiếp tục phát huy tốt Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến kết nối các cuộc họp trực tuyến từ Trung ương và tỉnh. Việc ứng dụng Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến giúp hạn chế được thời gian đi lại, tiết kiệm chi phí cho cán bộ, công chức tham gia các cuộc họp.

6.3. Kết quả xây dựng, phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp

- UBND xã thường xuyên cập nhật, cung cấp đầy đủ thông tin, đúng quy định trên Trang thông tin điện tử của xã.

- Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã: $2456/2585 = 95\%$.

- Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã là 100%.

- Các dịch vụ công đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình được cung cấp, tích hợp trên Cổng dịch vụ công trực tuyến quốc gia.

6.4. Kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho tổ chức, cá nhân

UBND xã Định Hóa đã phối hợp với các Sở, ngành cấp tỉnh cung cấp đầy đủ các dịch vụ công trực tuyến theo danh mục quy định. Trong Quý III, xã tiếp nhận và xử lý hồ sơ dịch vụ công trực tuyến bảo đảm đúng tiến độ, kết quả giải quyết được công khai, minh bạch, tạo thuận lợi cho tổ chức và cá nhân. Tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến từng bước tăng lên, góp phần giảm thời gian, chi phí đi lại cho người dân, doanh nghiệp.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân xã; sự hỗ trợ của Sở Nội vụ và các sở, ban, ngành của tỉnh, cùng với tinh thần chủ động trong công tác lãnh đạo, điều hành của tập thể UBND xã, sự phối hợp tích cực của các phòng chuyên môn, đơn vị và tinh thần trách nhiệm cao của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, công tác cải cách hành chính của xã đã đạt được nhiều kết quả tích cực.

Thời gian giải quyết thủ tục hành chính ngày càng được rút ngắn; tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng thời gian, đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục đạt mức cao. Các phòng chuyên môn, đơn vị đẩy mạnh triển khai Đề án vị trí việc làm, từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong công tác và thái độ phục vụ Nhân dân của cán bộ, công chức, viên chức có nhiều chuyển biến rõ nét, ngày càng chuyên nghiệp, góp phần giảm thiểu phiền hà, nhùng nhể trong quá trình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ hành chính.

2. Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác cải cách hành chính trong Quý III vẫn còn một số tồn tại, hạn chế:

Cơ sở vật chất, trang thiết bị và hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công chưa đảm bảo đầy đủ các thiết bị hiện đại hóa.

Việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến và dịch vụ bưu chính công ích của người dân còn ở mức thấp.

Nguồn kinh phí bố trí cho đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin còn hạn chế.

Trình độ công nghệ thông tin của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức chưa đồng đều, ảnh hưởng đến hiệu quả triển khai nhiệm vụ.

V. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CCHC TRỌNG TÂM QUÝ IV NĂM 2025

1. Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC

Tăng cường công tác phổ biến, quán triệt, thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn các nội dung trong thực hiện CCHC, đặc biệt là cải cách TTHC và thực hiện dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ bưu chính công ích trong giải quyết TTHC.

2. Cải cách thể chế

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật với nhiều hình thức nhằm nâng cao ý thức chấp hành pháp luật trong các tầng lớp Nhân dân. Thực hiện đúng các quy định về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất và tính khả thi của văn bản, đáp ứng yêu cầu công tác quản lý nhà nước.

- Rà soát, kiểm tra và hệ thống hoá các văn bản, kịp thời chỉnh sửa hoặc loại bỏ những văn bản trái pháp luật, không còn phù hợp, văn bản không có hiệu lực hoặc văn bản chồng chéo trùng lặp.

3. Cải cách thủ tục hành chính

- Tiếp tục thực hiện các nội dung tại Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC; Kế hoạch hoạt động kiểm soát TTHC và các nội dung liên quan đến công tác cải cách TTHC. Rà soát, niêm yết, công khai kịp thời các TTHC mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế và kiểm tra, giám sát việc thực hiện các TTHC, bảo đảm sự thống nhất trong áp dụng TTHC.

- Thực hiện tốt công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính.

4. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính

- Tiếp tục kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn và hiệu quả, trọng tâm là sắp xếp tổ chức bộ máy theo hướng dẫn của cấp trên.

- Tăng cường trách nhiệm của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

5. Cải cách chế độ công vụ

- Tăng cường công tác kiểm tra việc triển khai các nội dung CCHC gắn với việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính và nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong thực hiện công tác CCHC; nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành kỷ luật, kỷ cương của cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp.

- Tổ chức thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức viên chức năm 2025.

6. Cải cách tài chính công

- Tiếp tục thực hiện các quy định về quản lý tài chính - ngân sách, quy định về quản lý và sử dụng tài sản công, đảm bảo công khai, minh bạch, đúng quy định pháp luật.

- Ban hành Quy chế quản lý tài sản công theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các giải pháp thu ngân sách đảm bảo theo chỉ tiêu tỉnh giao.

7. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

- Nâng cao chất lượng ứng dụng công nghệ thông tin trong xử lý các công việc, tiếp tục sử dụng có hiệu quả trang thông tin điện tử của xã, hệ thống quản lý văn bản và điều hành, hệ thống hội nghị trực tuyến.

- Thực hiện các giải pháp tăng tỷ lệ tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC qua dịch vụ công trực tuyến và dịch vụ bưu chính công ích.

VI. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Tăng cường đầu tư và bố trí ngân sách phục vụ ứng dụng, phát triển CNTT, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số và các chương trình, đề án, kế hoạch về chuyển đổi số.

2. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ (online) cho cán bộ, công chức chuyên môn.

UBND xã Định Hóa báo cáo Sở Nội vụ tỉnh Thái Nguyên xem xét, tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- Thường trực Đảng ủy;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các cơ quan, đơn vị;
- Lưu: VT, PVHXXH.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đình Tuấn

PHỤ LỤC
DANH MỤC VĂN BẢN LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO CÔNG TÁC CẢI CÁCH
HÀNH CHÍNH QUÝ III NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ ĐỊNH HÓA
(Kèm theo Báo cáo số 196 /BC-UBND ngày 15 /9/2025 của UBND xã Định Hóa)

STT	Văn bản lãnh đạo, chỉ đạo
1.	Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 18/7/2025 về công tác cải cách hành chính xã Định Hóa năm 2025.
2.	Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 04/8/2025 về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở năm 2025
3.	Kế hoạch số 32/KH-UBND ngày 05/9/2025 Công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật và thực hiện công tác pháp chế, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2025 trên địa bàn xã Định Hóa
4.	Kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 15/9/2025 Kiểm tra công vụ, công tác cải cách hành chính năm 2025
5.	Kế hoạch số 43/KH-UBND ngày 15/9/2025 Tuyên truyền cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công năm 2025
6.	Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 15/9/2025 Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động công vụ và tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trên địa bàn xã Định Hóa năm 2025
7.	Quyết định số 111/QĐ-UBND ngày 31/7/2025 Thành lập Tổ công tác phát triển Đề án 06, cải cách hành chính, chuyển đổi số gắn với Đề án 06 trên địa bàn xã Định Hóa
8.	Quyết định số 320/QĐ-UBND ngày 15/8/2025 của UBND xã Định Hóa về việc thành lập các Tổ Công nghệ số cộng đồng tại các xóm trên địa bàn xã Định Hóa.
9.	Quyết định số 335/QĐ-UBND ngày 20/8/2025 về việc ban hành Quy định Văn hóa công vụ và quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc UBND xã Định Hóa.
10.	Thông báo số 05/TB-UBND ngày 04/7/2025 về việc công khai số điện thoại đường dây nóng của Ủy ban nhân dân xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên.

Phụ lục**BIỂU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH***(Kèm theo Báo cáo số 196 /BC-UBND ngày 15 /9/2025 của UBND xã Định Hóa)***Biểu mẫu 1****Công tác chỉ đạo điều hành CCHC**

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành <i>(Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)</i>	Văn bản	10	
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm <i>(Lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	%	= 25	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	12	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	3	
3.	Kiểm tra CCHC			
3.1.	Các đơn vị đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0	
3.2.	Số UBND cấp xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0	
3.3	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	0	
3.3.1.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	0	
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	0	
4.	Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao			
4.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	40	

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.1.1.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	21	
4.1.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
4.1.3.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
5.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0	0	
5.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	0	
5.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	0	
6.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	0	

Biểu mẫu 2. Cải cách thể chế

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tổng số VBQPPL¹ do địa phương ban hành	Văn bản	0	
1.1.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	0	
2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	0	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	0	
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	0	
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
3.	Rà soát VBQPPL			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	0	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	0	
3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	0	
3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	

¹ Văn bản quy phạm pháp luật.

Biểu mẫu 3
Cải cách thủ tục hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Thống kê TTHC			
1.1.	Số TTHC đã rà soát, kiến nghị đơn giản hóa	Thủ tục	0	
1.2.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	375	
2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa	%	100	
2.2.	Số TTHC đang thực hiện tiếp nhận và giải quyết không phụ thuộc vào địa giới hành chính	Thủ tục	375	
3.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100	
3.1.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	2456	
3.1.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	2456	
3.2.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	0	
3.2.1.	<i>Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)</i>	<i>PAKN</i>	0	
3.2.2.	<i>Số PAKN đã giải quyết xong</i>	<i>PAKN</i>	0	

Biểu mẫu 4
Cải cách tổ chức bộ máy

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Số liệu về biên chế công chức			
1.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	57	
1.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	31	
1.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	2	
1.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	1	
2.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
2.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	10	
2.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	9	Viên chức: 07; HĐLĐ 111: 02
2.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	

Biểu mẫu 5
Cải cách chế độ công vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị SNCL đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	0	
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
2.2.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	0	
3.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển, nếu có <i>(Lũy kế từ đầu năm)</i>	Người	0	
4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật <i>(cả về Đảng và chính quyền).</i>		0	
4.2.	Số lãnh đạo UBND cấp xã bị kỷ luật.	Người	0	
4.3.	Số công chức cấp xã bị kỷ luật.	Người	0	
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	0	

Biểu mẫu 6
Cải cách tài chính công

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	85,5	
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	13.015	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	11.129	
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	02	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	0	
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	0	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	0	

Biểu mẫu 7
Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100	
2.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
2.1.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương <i>(Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).</i>	%	100	
2.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%	100	
4.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)			
4.1.	Tỷ lệ DVCTT toàn trình đủ điều kiện	%	63,1	
4.1.1.	<i>Tổng số DVC đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình</i>	<i>Thủ tục</i>	122	
4.1.2.	<i>Số lượng DVCTT toàn trình</i>	<i>Thủ tục</i>	77	
4.2.	Tỷ lệ DVC có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến (toàn trình + một phần)	%	100	
4.2.1.	<i>Tổng số DVCTT có phát sinh hồ sơ (gồm các DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc cả 2 hình thức)</i>	<i>Thủ tục</i>	40	
4.2.2.	<i>Số DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến</i>	<i>Thủ tục</i>	40	
4.3.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	%	100	

4.3.1.	<i>Tổng số hồ sơ của DVCTT toàn trình (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)</i>	<i>Hồ sơ</i>	431	
4.3.2.	<i>Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT toàn trình</i>	<i>Hồ sơ</i>	431	
4.4.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến một phần	%	87,9	
4.4.1.	<i>Tổng số hồ sơ của DVCTT một phần (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)</i>	<i>Hồ sơ</i>	1932	
4.4.2.	<i>Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT một phần</i>	<i>Hồ sơ</i>	1699	
4.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	100	
4.5.1.	<i>Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)</i>	<i>Thủ tục</i>	16	
4.5.2.	<i>Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia</i>	<i>Thủ tục</i>	16	